BỘ TƯ PHÁP

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4619/VBHN-BTP

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ

Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

---

[1] Nghị định số 48/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế."

1. Nghị định này quy định chung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ (sau đây gọi chung là Bộ); chế độ làm việc và quyền hạn, trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ (sau đây gọi chung là Bộ trưởng).

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về quản lý ngành, lĩnh vực của Bộ thực hiện theo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ.

3. Các quy định về cơ cấu tổ chức của Bộ tại Chương III Nghị định này không áp dụng đối với cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

4. Tên của Bộ và tên của các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ được dịch tiếng nước ngoài để giao dịch quốc tế theo hướng dẫn của Bộ Ngoại giao.

Điều 2. Vị trí và chức năng của Bộ

Bộ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực.

Điều 3. Bộ trưởng

1. Bộ trưởng là thành viên Chính phủ, là người đứng đầu và lãnh đạo một Bộ; tham gia vào hoạt động của tập thể Chính phủ và các công tác khác của Chính phủ; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, các quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả nước.

2. Người giữ chức vụ cấp phó của Bộ trưởng (sau đây gọi chung là Thứ trưởng) là người được giao phụ trách, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện một hoặc một số lĩnh vực công tác của Bộ theo sự phân công của Bộ trưởng và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Khi Bộ trưởng vắng mặt, một Thứ trưởng được Bộ trưởng ủy nhiệm thay Bộ trưởng điều hành và giải quyết công việc của Bộ và Bộ trưởng.

3. Số lượng Thứ trưởng ở mỗi Bộ không quá 04 người. Đối với Bộ quản lý nhà nước nhiều ngành, lĩnh vực lớn, quan trọng, phức tạp, số lượng Thứ trưởng có thể nhiều hơn 04 người do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BỘ

Điều 4. Về pháp luật

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của

Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Chính phủ và các nghị quyết, dự án, đề án theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác theo phân công.

3. Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

4. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

5. Kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành có liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; nếu phát hiện những quy định do các cơ quan đó ban hành có dấu hiệu trái với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

1. Trình Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm và các dự án, công trình quan trọng quốc gia thuộc ngành, lĩnh vực; công bố (trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước) và tổ chức chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Thẩm định về nội dung các báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi các chương trình, dự án, đề án thuộc ngành, lĩnh vực; phê duyệt và quyết định đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Về hợp tác quốc tế

1. Trình Chính phủ quyết định chủ trương, biện pháp để tăng cường và mở rộng quan hệ với nước ngoài và các tổ chức quốc tế; việc ký kết, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập và biện pháp bảo đảm thực hiện điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế theo ủy quyền của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tổ chức thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong phạm vi quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực.

3. Tham gia các tổ chức quốc tế theo phân công của Chính phủ; ký kết và tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Bộ theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế để thúc đẩy nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của cơ quan mình.

Điều 7. Về cải cách hành chính

1. Trình Chính phủ quyết định việc phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho chính quyền địa phương.

2. Quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, công khai các loại thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực; quyết định phân cấp cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền.

3. Cải cách tổ chức bộ máy của Bộ bảo đảm tinh gọn, hợp lý, giảm đầu mối, bao quát đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ theo phân công của Chính phủ.

4. Thực hiện đổi mới phương thức làm việc, hiện đại hóa công sở, văn hóa công sở và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào hoạt động của Bộ.

Điều 8. Về quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực

1. Trình Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách về cung ứng các dịch vụ công; thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ công trong ngành, lĩnh vực.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch mạng lưới tổ chức các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

3. Hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật và hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện các hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Về doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế tập thể, tư nhân khác

1. Trình Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ và định hướng phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế tập thể, tư nhân khác thuộc các thành phần kinh tế trong ngành, lĩnh vực.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với ngành, nghề kinh doanh, dịch vụ có điều kiện theo danh mục Chính phủ quy định và xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo phân công, phân cấp của Chính phủ đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Về hội, tổ chức phi Chính phủ

1. Công nhận ban vận động về thành lập hội, tổ chức phi Chính phủ; có ý kiến bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên và phê duyệt điều lệ hội, tổ chức phi Chính phủ.

2. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hội, tổ chức phi Chính phủ tham gia các hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

3. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật của hội, tổ chức phi Chính phủ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Về tổ chức bộ máy, biên chế công chức và số lượng viên chức

1. Trình Chính phủ quyết định: chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ; thành lập, tổ chức lại, giải thể tổng cục và tổ chức tương đương thuộc Bộ; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định: thành lập, tổ chức lại, giải thể các vụ, cục và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổng cục và tổ chức tương đương thuộc Bộ.

3. Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập khác không thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định thành lập phòng trong vụ thuộc Bộ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ và chi cục thuộc cục theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ.

5. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của vụ và cục thuộc Bộ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn chung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

7. Xây dựng Danh mục vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch và viên chức theo chức danh nghề nghiệp để xác định kế hoạch biên chế công chức hàng năm của Bộ và số lượng viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập hàng năm của Bộ gửi Bộ Nội vụ theo quy định của pháp luật.

8. Quyết định giao biên chế công chức cho các tổ chức thuộc Bộ; quản lý biên chế công chức trong các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ; quản lý vị trí việc làm và số lượng công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Về cán bộ, công chức, viên chức

1. Trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thứ trưởng.

2. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ, bao gồm: tổng cục và tổ chức tương đương, cục, vụ, thanh tra, văn phòng, các đơn vị sự nghiệp công lập và phòng trong vụ thuộc Bộ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ.

Người đứng đầu các tổng cục và tổ chức tương đương, cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh lãnh đạo, quản lý của các đơn vị thuộc cấp mình quản lý.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh lãnh đạo, quản lý nêu trên thuộc Bộ thực hiện theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật.

3. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ theo quy định của pháp luật. Thực hiện các biện pháp cụ thể để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, quan liêu, hách dịch, cửa quyền trong các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và việc tuyển dụng, sử dụng, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, chế độ tiền lương, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của công chức theo ngạch thuộc ngành, lĩnh vực để Bộ Nội vụ ban hành; ban hành tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và cơ cấu viên chức thuộc ngành, lĩnh vực và tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Về kiểm tra, thanh tra

1. Hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Kiểm tra, thanh tra các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tổ chức việc tiếp dân theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Về quản lý tài chính, tài sản

1. Lập dự toán, phân bổ, quản lý và quyết toán ngân sách hàng năm của cơ quan mình; kiểm tra tình hình thực hiện ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng chế độ, tiêu chuẩn; định mức chi ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực.

3. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản Nhà nước giao theo quy định của pháp luật.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ

Điều 15. Cơ cấu tổ chức của Bộ

1. Các tổ chức giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước:

a) Vụ;

b) Văn phòng Bộ;

c) Thanh tra Bộ;

d) Cục;

đ) Tổng cục và tổ chức tương đương (sau đây gọi chung là tổng cục).

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ:

a) Các đơn vị nghiên cứu chiến lược, chính sách về ngành, lĩnh vực;

b) Báo; Tạp chí; Trung tâm Thông tin hoặc Tin học;

c) Trường hoặc Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Học viện thuộc Bộ.

3. Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc Bộ đã được cấp có thẩm quyền thành lập.

4. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các tổ chức thuộc Bộ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này không quá 03 người.

Điều 16. Vụ thuộc Bộ

1. Vụ là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp hoặc chuyên sâu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực hoặc tham mưu về công tác quản lý nội bộ của Bộ.

2. Vụ không có tư cách pháp nhân. Vụ trưởng chỉ được ký các văn bản theo ủy quyền của Bộ trưởng để hướng dẫn, giải quyết, thông báo các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của vụ.

3. Vụ hoạt động theo chế độ chuyên viên. Đối với những vụ có nhiều mảng công tác hoặc nhiều khối công việc được thành lập phòng; số phòng trong vụ được quy định tại Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ.

4. Việc thành lập vụ phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ;

b) Có phạm vi, đối tượng quản lý theo ngành, lĩnh vực.

Các tiêu chí nêu trên không áp dụng đối với việc thành lập các vụ tham mưu về công tác quản lý nội bộ của Bộ.

Điều 17. Văn phòng Bộ

1. [2]Văn phòng Bộ là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp về chương trình, kế hoạch công tác và phục vụ các hoạt động của Bộ; giúp Bộ trưởng tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Bộ đã được phê duyệt.

2. Văn phòng Bộ tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài sản, kinh phí hoạt động, bảo đảm phương tiện, điều kiện làm việc; phục vụ chung cho hoạt động của Bộ và công tác quản trị nội bộ; thực hiện các nhiệm vụ khác do pháp luật quy định hoặc do Bộ trưởng giao.

3. Văn phòng Bộ được thành lập phòng theo các lĩnh vực công tác được giao.

4. Văn phòng Bộ có con dấu riêng; Chánh văn phòng được ký các văn bản hành chính khi được thừa lệnh hoặc thừa ủy quyền của Bộ trưởng.

Điều 18. Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là tổ chức thuộc Bộ, giúp Bộ trưởng thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ; tiến hành thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Thanh tra Bộ có con dấu và tài khoản riêng; được thành lập các phòng nghiệp vụ phù hợp với quy định của Luật Thanh tra.

3. Chánh Thanh tra Bộ được ký các văn bản hành chính khi được thừa lệnh hoặc thừa ủy quyền của Bộ trưởng và được xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 19. Cục thuộc Bộ

1. Cục là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 48/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Trường hợp Bộ quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, tài sản lớn, toàn ngành thì được thành lập tổ chức cục thuộc Bộ thực hiện chức năng quản trị nội bộ của Bộ.

2. Cục thuộc Bộ chỉ có một loại. Cục có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; Cục trưởng được ban hành văn bản cá biệt, văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cục.

3. Việc thành lập cục phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Được phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực;

c) Tổ chức hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc chuyên ngành, lĩnh vực.

4. Cơ cấu tổ chức của cục, gồm:

a) Phòng;

b) Văn phòng;

c) Chi cục (nếu có);

d) Đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 20. Tổng cục thuộc Bộ

1. Tổng cục là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp trên phạm vi cả nước theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

2. Tổng cục có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Tổng cục trưởng được ban hành văn bản cá biệt, văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tổng cục.

3. Việc thành lập tổng cục phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có đối tượng quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực lớn, phức tạp, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội;

b) Chuyên ngành, lĩnh vực cần quản lý tập trung, thống nhất ở Trung ương, không phân cấp hoặc phân cấp hạn chế cho địa phương;

c) Được phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực;

d) Tổ chức hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc chuyên ngành, lĩnh vực.

4. Cơ cấu tổ chức của tổng cục, gồm:

a) Vụ;

b) Văn phòng;

c) Cục (nếu có);

d) Đơn vị sự nghiệp công lập.

Việc thành lập các vụ, cục thuộc tổng cục áp dụng các tiêu chí như đối với thành lập vụ, cục thuộc Bộ. Không thành lập phòng trong vụ thuộc tổng cục.

Đối với tổng cục được tổ chức theo hệ thống ngành dọc, việc thành lập cục, chi cục ở địa phương được quy định tại quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổng cục.

Điều 21. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ

1. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ và các quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập không có chức năng quản lý nhà nước.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập được tự chủ và tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính theo quy định của pháp luật và chịu sự quản lý nhà nước của các Bộ chức năng theo từng ngành, lĩnh vực.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Chương IV
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ TRƯỞNG

Điều 22. Chế độ làm việc của Bộ trưởng

Bộ trưởng làm việc theo chế độ thủ trưởng và Quy chế làm việc của Chính phủ; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của Bộ theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Bộ

1. Chịu trách nhiệm trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định các vấn đề liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Quy chế làm việc của Chính phủ.

2. Chịu trách nhiệm về chất lượng, nội dung các dự án, chương trình, đề án, văn bản quy phạm pháp luật do Bộ chuẩn bị.

3. Ban hành Quy chế làm việc của Bộ và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đó.

4. Quyết định các công việc thuộc phạm vi quản lý của Bộ và chịu trách nhiệm về các quyết định đó.

5. Lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực.

6. Chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của mình, kể cả khi đã phân công hoặc ủy nhiệm cho cấp phó.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước của Bộ về các ngành, lĩnh vực.

2. Không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền của mình lên Thủ tướng Chính phủ. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc tuy đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết, Bộ trưởng phải chủ động làm việc với Bộ trưởng có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

3. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và trách nhiệm của thành viên Chính phủ theo Quy chế làm việc của Chính phủ.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Bộ trưởng khác

1. Không ban hành văn bản trái với quy định của các Bộ trưởng khác.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ trưởng khác để giải quyết những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ đó.

3. Trả lời bằng văn bản trong thời hạn pháp luật quy định về các vấn đề theo đề nghị của các Bộ trưởng khác.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách.

2. Giải quyết các đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền của mình và trả lời bằng văn bản trong thời hạn pháp luật quy định.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với các cơ quan của Quốc hội, với đại biểu Quốc hội và với cử tri

1. Trình bày hoặc cung cấp các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

2. Trả lời các kiến nghị của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội theo quy định của pháp luật.

3. Trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội và kiến nghị của cử tri về những vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ trưởng đối với các tổ chức chính trị - xã hội

Bộ trưởng có trách nhiệm phối hợp với người đứng đầu tổ chức Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác trong khi thực hiện nhiệm vụ của Bộ.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[3]

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2012.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Căn cứ các quy định của Nghị định này, các Bộ rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đại diện của Bộ tại địa phương để tổ chức lại thành vụ, cục thuộc Bộ hoặc Văn phòng đại diện thuộc Văn phòng Bộ tại địa phương.

2. Các phòng hiện có trong vụ thuộc tổng cục được duy trì cho đến khi Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổng cục.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2013
BỘ TRƯỞNG

Hà Hùng Cường

---

[3] *Điều 5 của Nghị định số 48/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 quy định như sau:*

*"**Điều 5. Điều khoản thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."